

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Số: 169-HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 1981

QUYẾT ĐỊNH

CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG SỐ 169/HĐBT NGÀY 29-12-1981
VỀ VIỆC BAN HÀNH BẢN ĐIỀU LỆ VỀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC
VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ vào Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4/7/1981;

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng trong hội nghị toàn thể của Hội đồng Bộ trưởng ngày 12/9/1981,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này bản Điều lệ về chế độ làm việc và quan hệ công tác của Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 2: Các thành viên của Hội đồng Bộ trưởng, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp tương đương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

ĐIỀU LỆ

CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG VỀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

(ban hành kèm theo quyết định số 169-HĐBT ngày 29-12-1981

của Hội đồng Bộ trưởng)

Căn cứ vào Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ quy định về chế độ trách nhiệm, chế độ kỷ luật, chế độ bảo vệ của công và chế độ phục vụ nhân dân ban hành theo Nghị định số 217-CP ngày 8-6-1979 của Hội đồng Chính phủ;

Để xây dựng nề nếp sinh hoạt và làm việc của tập thể cũng như của mỗi thành viên Hội đồng Bộ trưởng;

Điều lệ này quy định chế độ làm việc và quan hệ công tác của Hội đồng Bộ trưởng.

CHƯƠNG 1

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

I- CHẾ ĐỘ GIẢI QUYẾT CÁC CÔNG VIỆC.

Điều 1: Hội đồng Bộ trưởng thảo luận và giải quyết các việc được quy định ở Điều 17 của Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng, cụ thể là:

- Các chủ trương, chính sách, biện pháp lớn để thực hiện các nghị quyết của Đảng và Quốc hội.
- Các quy hoạch các ngành và quy hoạch các vùng của đất nước.

3. Các dự án kế hoạch dài hạn, kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm; các bảng cân đối tổng hợp chủ yếu.
4. Dự toán ngân sách, quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.
5. Dự án luật trình Quốc hội, dự án pháp lệnh trình Hội đồng Nhà nước.
6. Chương trình công tác hàng năm của Hội đồng Bộ trưởng.
7. Đánh giá kết quả thực hiện luật pháp, kế hoạch Nhà nước, ngân sách Nhà nước và các chủ trương chính sách của Hội đồng Bộ trưởng.

Kỳ họp giữa năm của Hội đồng Bộ trưởng tập trung chủ yếu vào việc kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước và ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm, bàn các biện pháp nhằm hoàn thành kế hoạch Nhà nước và ngân sách Nhà nước cả năm.

Kỳ họp đầu quý IV hàng năm của Hội đồng Bộ trưởng kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch Nhà nước, ngân sách Nhà nước trong năm và thông qua kế hoạch Nhà nước và ngân sách Nhà nước năm sau.

Điều 2: Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng thảo luận và giải quyết các việc được quy định ở Điều 24 của Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng, cụ thể là:

1. Các chính sách cụ thể, các chế độ, thể lệ nhằm thực hiện các quy định của Hội đồng Bộ trưởng.
2. Các kế hoạch, các biện pháp để tổ chức thực hiện các nghị quyết, nghị định, quyết định của Hội đồng Bộ trưởng, chú trọng việc kiểm tra, việc làm thử và việc sơ kết, tổng kết công tác.
3. Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng, giữa 2 kỳ họp của Hội đồng Bộ trưởng, quyết định những vấn đề cấp bách thuộc quyền hạn của Hội đồng Bộ trưởng như:
 - Kế hoạch hoặc biện pháp thực hiện chính sách phát triển đối với ngành, địa phương.
 - Kiện toàn tổ chức, bộ máy của Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Ủy ban nhân dân các cấp.
 - Phân vạch địa giới các đơn vị hành chính dưới cấp tỉnh.
 - Tổ chức đàm phán và ký kết các điều ước với nước ngoài; trình Hội đồng Nhà nước phê chuẩn các điều ước thuộc quyền Hội đồng Nhà nước phê chuẩn; tổ chức và chỉ đạo việc thực hiện các điều ước đã ký kết.

Những quyết định của thường vụ Hội đồng Bộ trưởng về các loại vấn đề kể trên phải được báo cáo lại với Hội đồng Bộ trưởng trong phiên họp gần nhất của Hội đồng Bộ trưởng, hoặc báo cáo bằng văn bản cho các thành viên Hội đồng Bộ trưởng.

4. Chỉ đạo các Bộ, các Ủy ban Nhà nước và các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng chuẩn bị các đề án trình Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 3: Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giải quyết các việc được quy định ở Điều 25 của Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng; trong việc chỉ đạo chú trọng những công tác sau đây:

1. Tổ chức kiểm tra và đề ra các biện pháp thúc đẩy việc thi hành luật pháp và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng Bộ trưởng.

2. Điều hoà, phối hợp hoạt động của các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; chỉ đạo giải quyết các vấn đề vượt quá thẩm quyền hoặc quá khả năng của các Bộ, Ủy ban Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và những vấn đề liên quan nhiều ngành, nhiều địa phương.

3. Quyết định việc sử dụng dự trữ nhà nước.

Điều 4: Các Phó chủ tịch giúp Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng kiểm tra, đôn đốc, điều hoà, phối hợp và giải quyết các quy định ở điểm 4 của Điều 2, Điều 3 và trên một số lĩnh vực phân công.

Điều 5: Phó chủ tịch thường trực giúp Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quản lý việc chung và điều hành việc hàng ngày của Hội đồng Bộ trưởng, cụ thể là:

1. Nắm tình hình chung, kịp thời phát hiện các vấn đề và báo cáo với Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng giải quyết.

2. Tổ chức thực hiện chương trình làm việc của Hội đồng Bộ trưởng và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng.

3. Phối hợp với các Phó chủ tịch khác để giải quyết các việc có liên quan đến nhiều lĩnh vực.

4. Thực hiện chức năng của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng khi Chủ tịch vắng mặt.

Điều 6: Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng Bộ trưởng có trách nhiệm:

1. Giúp Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và Phó chủ tịch thường trực nắm tình hình hoạt động của Hội đồng Bộ trưởng và của các ngành, các cấp.

2. Lập và trình Hội đồng Bộ trưởng thông qua chương trình công tác.

3. Tổ chức thẩm tra các đề án trước khi trình Hội đồng Bộ trưởng và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng; quản lý thống nhất việc ban hành các văn bản của Hội đồng Bộ trưởng.
4. Tổ chức việc công bố, truyền đạt và theo dõi, kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện các quyết định của Hội đồng Bộ trưởng.
5. Giải quyết một số việc cụ thể theo sự uỷ nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.
6. Lãnh đạo Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng, quản lý các việc không thuộc ngành phụ trách.
7. Tổ chức mối quan hệ giữa Hội đồng Bộ trưởng với Quốc hội, Hội đồng Nhà nước và cơ quan của Quốc hội, giữa Hội đồng Bộ trưởng với các đoàn thể nhân dân.

Điều 7: Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước và thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng giải quyết việc thuộc ngành hoặc lĩnh vực mình quản lý theo trách nhiệm và quyền hạn đã quy định ở các Điều 29, 30, 31, 32, 33, 34 của chương IV Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng và ở Nghị định số 35-CP ngày 9-2-1981 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng và chức năng của Bộ trong một số lĩnh vực quản lý Nhà nước.

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước và thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng chủ động phối hợp để giải quyết những việc có liên quan với nhau, và chỉ trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (hoặc Phó chủ tịch phụ trách lĩnh vực) giải quyết những việc vượt quá thẩm quyền và khả năng giải quyết của mình.

Trong thời hạn nhiều nhất là 5 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước hoặc thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng phải trình đề nghị ấy lên Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng để giải quyết và ra văn bản trả lời.

II- CHẾ ĐỘ LẬP CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC VÀ CHẾ ĐỘ HỘI NGHỊ

Điều 8: Theo sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng Bộ trưởng dự thảo chương trình công tác hàng năm và gửi các thành viên Hội đồng Bộ trưởng tham gia ý kiến.